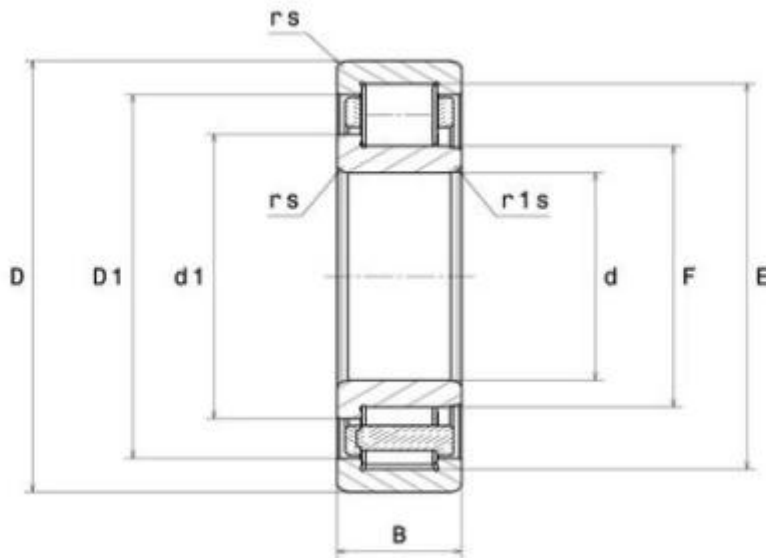


## Bạc đạn NTN NJ2308EAT2X



### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                                   |         |
|-----------------------------------|---------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất       | NTN     |
| d - Đường kính lỗ trục            | 40 mm   |
| D - Đường kính ngoài              | 90 mm   |
| B - Chiều rộng                    | 33 mm   |
| E - Đường kính con lăn trên       | 80 mm   |
| F - Đường kính con lăn dưới       | 52 mm   |
| rNs - Bán kính góc lượn tối thiểu | 1,5 mm  |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu  | 1,5 mm  |
| r1s - Bán kính góc lượn tối thiểu | 1,5 mm  |
| Khe hở vòng bi                    | CN      |
| Trọng lượng                       | 2,23 kg |

## HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 135 kN      |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 122 kN      |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 14,9 kN     |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn dầu | 9000 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn bôi trơn mỡ  | 6400 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -20 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

## GIỚI HẠN

|                                             |         |
|---------------------------------------------|---------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 48 mm   |
| da max - Small face shoulder max diameter   | 51 mm   |
| dc min - Đường kính vòng trong tối thiểu GO | 55 mm   |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 82 mm   |
| Db min - Đường kính vai mặt tối thiểu       | 81,5 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa           | 1,5 mm  |
| r1a - Bán kính góc lượn tối đa              | 1,5 mm  |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor